

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HS-ST
Ngày: 27-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phước

Ông Nguyễn Văn Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; tại tỉnh Bến Tre; ĐKTT: Số A, khu vực T, phường T, quận T, thành phố C; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn Giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Hồng D và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có chồng tên Ngô Anh N; có 01 người con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/7/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Thị Diệu T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Thu T1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

+ Nguyễn Thị Quy D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Th, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M và chị Trần Thị Diệu T là công nhân ở khu công nghiệp Giao Long, cùng ở trọ tại nhà trọ của chị Nguyễn Thị Tuyết H thuộc ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vào khoảng 11 giờ 50 phút ngày 14/01/2022, M đến phòng trọ của chị T hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 71B3-716.69 để đi đóng tiền nhà trọ thì được chị T đồng ý. Sau khi mượn được xe, M không đi đóng tiền nhà trọ mà điều khiển xe mô tô biển số 71B3-716.69 chạy thẳng lên thành phố Hồ Chí Minh mục đích nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị T để sử dụng. Thấy M lấy xe đi lâu không trả nên chị T điện thoại cho M nhiều lần nhưng M không bắt máy, đồng thời M chặn Zalo và facebook của chị T. Ngày 25/01/2022, chị T trình báo sự việc cho cơ quan công an lập biên bản.

Quá trình truy tìm, ngày 09/7/2022, chị T phát hiện Nguyễn Thị M đang ở khu vực D8 khu chung cư Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên đã báo công an đến bắt giữ M.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 71B3-716.69.
- 01 xe mô tô hiệu Honda Vission màu đỏ đen biển số 59Z1-270.95.

Bản kết luận định giá tài sản số 269/KL-HĐĐG ngày 09/3/2022 của Hội đồng định giá – UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 71B3-716.69 có giá trị là 13.162.500 đồng.

Ngày 02/9/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trả 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 71B3-716.69 cho chị Trần Thị Diệu T. Hiện chị T không có yêu cầu nào khác.

Qua quá trình điều tra, xác định xe mô tô hiệu Honda Vission màu đỏ đen biển số 59Z1-270.95 là của chị Trần Thị Thu T1. Không liên quan đến vụ án nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho chị T1.

Cáo trạng số 73/CT-VKSCT ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về “*Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Trần Thị Diệu T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre trả lại xe mô tô biển số 59Z1-270.95 cho chị Trần Thị Thu T1. Trả lại cho bị cáo số tiền 4.400.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, và nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ, ngày 14/01/2022, tại ấp Quới Thạnh Đông, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, sau khi mượn được xe mô tô biển số 71B3-716.69 của chị Trần Thị Diệu T, bị cáo Nguyễn Thị M điều khiển xe mô tô biển số 71B3-716.69 bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 71B3-716.69 của chị T để làm phương tiện đi lại.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại, sau khi mượn được tài sản, bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Tổng giá trị tài sản của bị hại mà bị cáo chiếm đoạt là 13.162.500 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M đã phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm

luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Trên thực tế bị cáo đã thực hiện xong hành vi chiếm đoạt tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm và kịp thời.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có con nhỏ chưa thành niên quy định tại điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Diệu T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 59Z1-270.95 quá trình điều tra xác định là của chị Trần Thị Thu T1. Do không liên quan đến vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre trả lại xe mô tô biển số 59Z1-270.95 cho chị Trần Thị Thu T1 là phù hợp nên ghi nhận. Chị Trần Thị Thu T1 tự nguyện trả lại cho bị cáo số tiền bị cáo đã mua xe xe mô tô biển số 59Z1-270.95 là 4.400.000 đồng, bị cáo đồng ý nhận và không có ý kiến gì khác. Số tiền hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M **06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2022.

[2] Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Trần Thị Diệu T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

[3] Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre trả lại xe mô tô biển số 59Z1-270.95 cho chị Trần Thị Thu T1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M số tiền 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b)
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND phường Tân Lộc (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền